

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA GIẢNG VIÊN, SINH VIÊN CHUYÊN NGÀNH THỂ DỤC TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH

Nguyễn Thị Kim Nga⁽¹⁾; Nguyễn Văn Thạch⁽²⁾

Thông tin bài báo:

Ngày nhận bài: 25/10/2025

Ngày phản biện: 16/11/2025

Ngày đăng: 23/01/2026

Tác giả liên hệ:

Nguyễn Văn Thạch

Email: thachcl@gmail.com

Tập 3, số 1 (2026), trang 52-57

DOI: <https://doi.org/10.64024/upes13996>

Bản quyền © 2025. Bài báo này là công bố Truy cập Mở (Open Access) và được phân phối theo các điều khoản của Creative Commons Attribution-NonCommercial 4.0 International (CC BY-NC 4.0).

Tóm tắt:

Thông qua các phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực TĐTT, các tác giả đã tiến hành đánh giá thực trạng kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học (NCKH) của giảng viên và sinh viên chuyên ngành Thể dục tại Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh. Kết quả cho thấy: Hoạt động NCKH của giảng viên và sinh viên chuyên ngành Thể dục cơ bản hoàn thành nhiệm vụ được giao, tuy nhiên vẫn chưa đáp ứng đầy đủ các yêu cầu thực tiễn của công tác đào tạo chất lượng cao trong nhà trường.

Từ khóa: Hoạt động nghiên cứu khoa học, giảng viên, sinh viên, chuyên ngành, Thể dục, Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh, ...

Current status of scientific research activities of lecturers and students majoring in Physical Education, Bac Ninh Sports University

Nguyen Thi Kim Nga⁽¹⁾; Nguyen Van Thach⁽²⁾

Article Information:

Received: 25/10/2025

Review date: 16/11/2025

Published: 23/01/2026

Corresponding Author:

Nguyen Van Thach

Email: thachcl@gmail.com

Vol.3, Issue 1 (2026), pp 52-57

DOI: <https://doi.org/10.64024/upes13996>

Copyright © 2025. This is an Open Access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution-NonCommercial 4.0 International (CC BY-NC 4.0).

Summary:

Through conventional scientific research methods, this study assessed the current state of scientific research results of lecturers and students majoring in Physical Education at Bac Ninh Sports University. The results show that: Scientific research activities of lecturers and students majoring in Physical Education have basically fulfilled the assigned tasks; however, they still do not fully meet the practical requirements of high-quality training.

Keywords: Scientific research activities, lecturers, students, major, Physical Education, Bac Ninh Sports University...

⁽¹⁾ThS ⁽²⁾TS Trường Đại học TĐTT Bắc Ninh

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong cấu trúc đào tạo tại các cơ sở giáo dục đại học, giảng dạy và NCKH là hai nhiệm vụ trọng tâm, có mối quan hệ hữu cơ. NCKH đóng vai trò then chốt trong việc nâng cao chất lượng đào tạo và trình độ chuyên môn của đội ngũ kế cận. Tại Bộ môn Thể dục, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh, công tác NCKH đã được chú trọng triển khai thông qua nhiều hướng nghiên cứu khác nhau. Tuy nhiên, các công trình hiện nay còn mang tính thời điểm, chưa có sự gắn kết chặt chẽ và hệ thống để tạo ra hiệu quả đột phá trong đào tạo.

Mặc dù đã có một số công trình nghiên cứu về nâng cao chất lượng NCKH của các tác giả như Bùi Quang Hải (2014), Nguyễn Đại Dương (2015), Đinh Khánh Thu (2016), Ngô Sách Thọ (2020)... nhưng hầu hết các nghiên cứu này chỉ tập trung vào đánh giá chung toàn trường. Hiện chưa có nghiên cứu cụ thể nào đánh giá thực trạng hoạt động NCKH riêng biệt cho giảng viên và sinh viên chuyên ngành Thể dục. Do đó, việc thực hiện nghiên cứu này là cần thiết để làm cơ sở định hướng hoạt động NCKH phục vụ trực tiếp cho công tác đào tạo tại đơn vị.

Phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

- Phương pháp tổng hợp và phân tích tài liệu.
- Phương pháp phỏng vấn:
 - + Phỏng vấn bằng phiếu hỏi đối với 35 người là giảng viên Bộ môn Thể dục, chuyên gia Trường Đại học TDTT Bắc Ninh và Ttrường Đại học Sư phạm TDTT Hà Nội.
- Phương pháp toán thống kê:
 - + Việc phân tích và xử lý các số liệu thu thập được nghiên cứu xử lý bằng phần mềm SPSS 16.0
 - + Công thức tính của thang đo Likert với công thức và khoảng cách giữa các nhóm như sau: $K = (5-1)/5 = 0,8$

Giá trị trung bình ý nghĩa đối với mỗi thang đo:

- [1 – 1.8) : Không hiệu quả/Kém
- [3.4 – 4.2) : Hiệu quả/Khá
- [1.8 – 2.6) : Ít hiệu quả/Yếu
- [4.2 – 5.0] : Rất hiệu quả/Tốt
- [2.6 – 3.4) : Bình thường/Trung bình

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Đánh giá thực trạng về việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở của giảng viên và sinh viên chuyên ngành Thể dục

Để giải quyết vấn đề này, nghiên cứu tiến hành tổng hợp và thống kê số lượng đề tài của giảng viên Bộ môn Thể dục (BMTD) trong 7 năm và sinh viên chuyên ngành Thể dục trong 5 năm gần đây. Kết quả được trình bày tại bảng 1.

Dựa trên số liệu thống kê tại bảng 1 (giai đoạn 2016 - 2022), thực trạng NCKH của giảng viên và sinh viên chuyên ngành Thể dục được ghi nhận như sau:

- Đối với giảng viên: Tỷ lệ đề tài do giảng viên Bộ môn chủ trì dao động từ 2.17% đến 7.14% tổng số đề tài toàn trường. Mặc dù năm 2020 không trực tiếp chủ trì đề tài, nhưng giảng viên Bộ môn vẫn tham gia với vai trò thành viên nghiên cứu. Tỷ lệ đề tài/đơn vị đạt mức tương đương với mặt bằng chung của Nhà trường (1 - 3 đề tài /năm so với 1.1 đến 1.5 đề tài/đơn vị/năm)

- Đối với sinh viên chuyên ngành Thể dục: Kết quả cho thấy sự phát triển tích cực với tổng số 19/70 đề tài (chiếm tỷ lệ 27.14% tổng số đề tài sinh viên toàn trường). Đặc biệt, năm 2019 chiếm tỷ lệ cao (42.86%), cho thấy tiềm năng và sự quan tâm lớn của sinh viên đối với hoạt động NCKH. Khi so sánh theo tỷ lệ đề tài/Bộ môn chuyên ngành trong toàn trường/năm (từ 0.4 đến 1.2 đề tài/Bộ môn chuyên ngành/năm) thì số đề tài cơ sở của sinh viên chuyên ngành Thể dục chiếm từ 2 - 7 đề tài/năm là tốt hơn rất nhiều.

Bên cạnh đó, để đánh giá được kết quả hoạt động NCKH chuyên ngành Thể dục của giảng viên, sinh viên một cách chính xác, khách quan, khoa học và toàn diện hơn nhằm đáp ứng được mục tiêu đào tạo của Nhà trường đó là cung cấp cho xã hội một nguồn nhân lực lao động chất lượng cao trong lĩnh vực TDTT, toàn diện về mọi mặt gồm: Kiến thức, kỹ năng và thái độ. Nghiên cứu tiến hành lựa chọn các tiêu chí để đánh giá kết quả hoạt động NCKH chuyên ngành Thể dục của giảng viên, sinh viên Bộ môn. Kết quả cụ thể như sau:

2. Lựa chọn tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học chuyên ngành Thể dục của giảng viên, sinh viên tại Trường Đại học TDTT Bắc Ninh trong phục vụ đào tạo chuyên ngành Thể dục

Bảng 1. Thực trạng về việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở của giảng viên BMTD và sinh viên chuyên ngành Thể dục

TT	Đối tượng	Năm	Kết quả thống kê					
			Số lượng đề tài cơ sở	Tổng số đề tài cơ sở toàn trường	Tỷ lệ %	Tổng số đề tài cơ sở toàn trường	Tổng số đơn vị trong trường	Tỷ lệ đề tài/đơn vị
1	Giảng viên	2016	3	42	7.14	42	30	1.4
2		2017	2	37	5.41	37	30	1.2
3		2018	1	33	3.03	33	30	1.1
4		2019	1	46	2.17	46	30	1.5
5		2020	0	42	0	42	30	1.4
6		2021	2	43	4.65	43	30	1.4
7		2022	1	46	2.17	46	30	1.5
			Số lượng đề tài cơ sở	Tổng số đề tài cơ sở toàn trường	Tỷ lệ %	Tổng số đề tài cơ sở toàn trường	Tổng số BM trong trường	Tỷ lệ đề tài/BM
8	Sinh viên	2018	2	12	16.67	12	17	0.7
9		2019	3	7	42.86	7	17	0.4
10		2020	2	13	15.38	13	17	0.8
11		2021	7	21	33.33	21	17	1.2
12		2022	5	17	29.41	17	17	1.0
Tổng			19	70	27.14	19	85	

Thông qua tham khảo tài liệu và trao đổi với các chuyên gia về lĩnh vực quản lý đào tạo, nghiên cứu bước đầu xác định được 12 tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động NCKH chuyên ngành Thể dục của giảng viên, sinh viên tại Trường Đại học TDDT Bắc Ninh trong phục vụ đào tạo chuyên ngành Thể dục.

Ở bước nghiên cứu tiếp theo, đề tài đã tiến hành phỏng vấn bằng phiếu hỏi đối với 17 chuyên gia là các PGS TS tại Trường Đại học TDDT Bắc Ninh và Trường Đại học Sư phạm TDDT Hà Nội nhằm lựa chọn được những tiêu chí phù hợp nhất.

Mức độ ưu tiên cho các tiêu chí đã tổng hợp với mức độ như sau:

Rất hiệu quả: 5 điểm

Ít hiệu quả: 2 điểm

Hiệu quả: 4 điểm

Không hiệu quả: 1 điểm

Bình thường: 3 điểm

Bên cạnh đó, sau khi tiến hành phỏng vấn, theo thang đo Likert, chúng tôi chỉ lựa chọn những tiêu chí có điểm trung bình thuộc ngưỡng “Hiệu quả” và “Rất hiệu quả” để đưa vào sử dụng, dựa vào công thức tính của thang đo Likert.

Kết quả phỏng vấn được trình bày ở bảng 2.

Kết quả tại bảng 2 cho thấy: Theo nguyên tắc phỏng vấn mà đề tài đã đặt ra, tất cả 12 tiêu chí đưa ra phỏng vấn đều có điểm trung bình nằm trong ngưỡng “Hiệu quả” và “Rất hiệu quả”. Do vậy, nghiên cứu sẽ lựa chọn cả 12 tiêu chí trên để đưa vào đánh giá kết quả hoạt động NCKH

Bảng 2. Kết quả phỏng vấn lựa chọn tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động NCKH chuyên ngành Thể dục của giảng viên, sinh viên tại Trường Đại học TDTT Bắc Ninh trong phục vụ đào tạo chuyên ngành Thể dục (n = 17)

TT	Tiêu chí	Kết quả trả lời					Tổng điểm	Điểm trung bình
		Rất hiệu quả	Hiệu quả	Bình thường	Ít hiệu quả	Không hiệu quả		
Nhóm tiêu chí về kiến thức								
1	Kiến thức về xã hội	12	4	1	0	0	79	4.65
2	Kiến thức về các môn đại cương	14	2	1	0	0	81	4.76
3	Kiến thức về các môn cơ sở và kiến thức chuyên môn	15	2	0	0	0	83	4.88
4	Kiến thức về môn chuyên ngành Thể dục	17	0	0	0	0	85	5.00
Nhóm các tiêu chí về kỹ năng chuyên môn								
5	Kỹ năng truyền đạt và tổ chức NCKH chuyên ngành Thể dục	14	3	0	0	0	82	4.82
6	Kỹ năng thực hành môn chuyên ngành trong phục vụ NCKH	13	2	2	0	0	79	4.65
Nhóm các tiêu chí về kỹ năng chung								
7	Kỹ năng ngoại ngữ phục vụ tham khảo tài liệu nghiên cứu	11	4	2	0	0	77	4.53
8	Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản	12	2	3	0	0	77	4.53
9	Kỹ năng tự định hướng trong NCKH môn chuyên ngành	13	1	3	0	0	78	4.59
10	Kỹ năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ phục vụ NCKH	14	1	2	0	0	80	4.71
Nhóm các tiêu chí về thái độ								
11	Tính độc lập, tự chủ và sáng tạo trong NCKH	15	1	1	0	0	82	4.82
12	Tác phong làm việc nghiêm túc	14	2	1	0	0	81	4.76

chuyên ngành Thể dục của giảng viên, sinh viên tại Trường Đại học TDTT Bắc Ninh trong phục vụ đào tạo chuyên ngành Thể dục.

3. Đánh giá kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học chuyên ngành Thể dục của giảng viên, sinh viên tại Trường Đại học

TDTT Bắc Ninh trong phục vụ đào tạo chuyên ngành Thể dục

Để giải quyết vấn đề này, chúng tôi tiến hành phỏng vấn bằng phiếu hỏi đối với 18 người là giảng viên Bộ môn Thể dục Trường Đại học TDTT Bắc Ninh và Trường Đại học Sư phạm

TDDT Hà Nội thông qua 12 tiêu chí đã được lựa chọn tại bảng 2.

Khảo sát được tiến hành theo thang Likert 5 mức độ. Mức độ ưu tiên cho các tiêu chí đã tổng hợp với mức độ như sau:

Tốt: 5 điểm

Yếu: 2 điểm

Khá: 4 điểm

Kém: 1 điểm

Trung bình: 3 điểm

Kết quả được trình bày ở bảng 3.

Qua kết quả tại bảng 3, nghiên cứu có những nhận định sau:

- Đối với giảng viên BMTD:

Nhóm tiêu chí về “kiến thức” và “kỹ năng chuyên môn” của đội ngũ cán bộ giảng viên Bộ môn Thể dục được các chuyên gia, cán bộ quản lý đánh giá rất cao và đều cho rằng ở mức “tốt” do có điểm trung bình nằm trong ngưỡng [4.2 – 5.0].

Các tiêu chí còn lại đa phần được đánh giá ở mức “khá”, tuy nhiên có hai tiêu chí bị đánh giá ở mức “trung bình” đó là tiêu chí “Kỹ năng

Bảng 3. Thực trạng kết quả hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên BMTD và sinh viên chuyên ngành Thể dục tại Trường Đại học TDDT Bắc Ninh trong phục vụ đào tạo chuyên ngành Thể dục (n = 18)

TT	Tiêu chí	Kết quả trả lời					
		Giảng viên			Sinh viên		
		Tổng điểm	Điểm TB	Đánh giá	Tổng điểm	Điểm TB	Đánh giá
Nhóm tiêu chí về kiến thức							
1	Kiến thức về xã hội	87	4.83	Tốt	63	3.50	Khá
2	Kiến thức về các môn đại cương	86	4.78	Tốt	65	3.61	Khá
3	Kiến thức về các môn cơ sở và kiến thức chuyên môn	82	4.56	Tốt	73	4.06	Khá
4	Kiến thức về môn chuyên ngành Thể dục	89	4.94	Tốt	83	4.61	Tốt
Nhóm các tiêu chí về kỹ năng chuyên môn							
5	Kỹ năng truyền đạt và tổ chức NCKH chuyên ngành Thể dục	84	4.67	Tốt	75	4.17	Khá
6	Kỹ năng thực hành môn chuyên ngành trong phục vụ NCKH	90	5.00	Tốt	70	3.89	Khá
Nhóm các tiêu chí về kỹ năng chung							
7	Kỹ năng ngoại ngữ phục vụ tham khảo tài liệu nghiên cứu	56	3.11	TB	47	2.61	TB
8	Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản	61	3.39	TB	62	3.44	TB
9	Kỹ năng tự định hướng trong NCKH môn chuyên ngành	74	4.11	Khá	73	4.06	Khá
10	Kỹ năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ phục vụ NCKH	73	4.06	Khá	72	4.00	Khá
Nhóm các tiêu chí về thái độ							
11	Tính độc lập, tự chủ và sáng tạo trong NCKH	70	3.89	Khá	71	3.94	Khá
12	Tác phong làm việc nghiêm túc	67	3.72	Khá	66	3.67	Khá



Nghiên cứu khoa học là một trong những nội dung được khuyến khích phát triển với cán bộ, giảng viên và sinh viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

ngoại ngữ phục vụ tham khảo tài liệu nghiên cứu” và “Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản”. Vấn đề này cần được cải thiện trong thời gian tới mới có thể nâng cao chất lượng của công tác NCKH của đội ngũ giáo viên Bộ môn, qua đó mới góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của Bộ môn.

- Đối với sinh viên chuyên ngành Thể dục:

Nhóm tiêu chí kiến thức: Cả 4 tiêu chí đều được các chuyên gia đánh giá đạt “Khá” trở lên. Đặc biệt, tiêu chí “Kiến thức về môn chuyên ngành Thể dục” còn được các chuyên gia đánh giá ở mức “Tốt”.

Đối với nhóm tiêu chí về kỹ năng chuyên môn: Cả hai tiêu chí trong nhóm này là “Kỹ năng truyền đạt và tổ chức NCKH chuyên ngành Thể dục” và “Kỹ năng thực hành môn chuyên ngành trong phục vụ NCKH” đều được các chuyên gia đánh giá đạt “Khá”.

Đối với nhóm tiêu chí về kỹ năng chung: Trong nhóm này có 2/4 tiêu chí được các chuyên gia đánh giá là ở mức “Khá” đó là tiêu chí “Kỹ năng tự định hướng trong NCKH môn chuyên ngành” và “Kỹ năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ phục vụ NCKH”. Bên cạnh đó, hai tiêu chí còn lại đều được đánh giá ở mức “Trung bình”, trong đó đặc biệt là tiêu chí “Kỹ năng ngoại ngữ phục vụ tham khảo tài liệu nghiên cứu” còn đánh giá ở mức sát giữa “Trung bình” và “Yếu” do có điểm trung bình là 2.61.

Nhóm tiêu chí về thái độ: Về cơ bản, 2 tiêu chí đưa ra đều có sự đánh giá của các chuyên gia ở đạt mức độ “Khá” do có điểm trung bình nằm trong ngưỡng [3.4 – 4.2).

KẾT LUẬN

1. Kết quả nghiên cứu đã lựa chọn được 12 tiêu chí để đánh giá kết quả hoạt động NCKH của giảng viên và sinh viên chuyên ngành Thể dục tại Trường Đại học TDTT Bắc Ninh trong phục vụ đào tạo chuyên ngành Thể dục.

2. Hoạt động NCKH của Bộ môn Thể dục vẫn còn mất cân đối: Mạnh về kiến thức nghiệp vụ nhưng yếu về các kỹ năng hỗ trợ chung (đặc biệt là ngoại ngữ, CNTT). Để đáp ứng yêu cầu đào tạo trong bối cảnh hội nhập, cần có các giải pháp cấp thiết nhằm cải thiện năng lực sử dụng ngoại ngữ và công nghệ trong nghiên cứu cho cả giảng viên và sinh viên của Bộ môn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Mai, T. Ước. (2013). *Nghiên cứu khoa học của giảng viên – yếu tố quan trọng góp phần nâng cao chất lượng đào tạo tại các trường đại học trong giai đoạn hiện nay*. Bản tin Khoa học và Giáo dục.
2. Ngô, S. Thọ. (2020). *Nghiên cứu giải pháp đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học của đội ngũ cán bộ, giảng viên trẻ Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh* (Đề tài khoa học và công nghệ cấp cơ sở). Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh, Việt Nam.
3. Nguyễn, Đ. Văn. (2001). *Phương pháp thống kê trong thể dục thể thao*. Hà Nội, Việt Nam: Nhà xuất bản Thể dục Thể thao.
4. Vũ, C. Đàm. (2007). *Giáo trình phương pháp luận nghiên cứu khoa học*. Hà Nội, Việt Nam: Nhà xuất bản Giáo dục.